

Số: 1898 /QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022
của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 6021/TB-STC-TCHCSN ngày 12/10/2023 của Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan của Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /lan

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC

GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-SGDDT ngày 18/10/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
I	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	31	19	12	2.216.162	2.216.162	27.292	25.301	1.991	2.188.870	1.625.741	563.129	
II	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	31	19	12	2.216.162	2.216.162	27.292	25.301	1.991	2.188.870	1.625.741	563.129	
III	Chênh lệch	-			-	-	-	-	-	-	-	-	
IV	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc	31	19	12	2.216.162	2.216.162	27.292	25.301	1.991	2.188.870	1.625.741	563.129	
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	31	19	12	27.292	27.292	27.292	25.301	1.991				
2	Trường mầm non B				1.031	1.031	-			1.031	1.000	31	
3	Trường mầm non Việt Triều hữu nghị				1.743	1.743	-			1.743	500	1.243	
4	Trường tiểu học Bình Minh				7.713	7.713	-			7.713	6.531	1.182	
5	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu				17.206	17.206	-			17.206	12.552	4.654	
6	Trường PTCS Xã Đàn				9.881	9.881	-			9.881	9.440	441	
7	Trường THPT Đống Đa				19.608	19.608	-			19.608	14.226	5.382	
8	Trường THPT Kim Liên				20.299	20.299	-			20.299	15.205	5.094	
9	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa				18.491	18.491	-			18.491	15.656	2.835	
10	Trường THPT Quang Trung - Đống Đa				19.908	19.908	-			19.908	14.407	5.501	
11	Trường THPT Văn Nội				19.878	19.878	-			19.878	15.549	4.329	
12	Trường THPT Cổ Loa				18.390	18.390	-			18.390	15.810	2.580	
13	Trường THPT Liên Hà				18.241	18.241	-			18.241	15.838	2.403	
14	Trường THPT Đông Anh				13.648	13.648	-			13.648	10.975	2.673	
15	Trường THPT Sóc Sơn				18.984	18.984	-			18.984	14.021	4.963	
16	Trường THPT Kim Anh				13.046	13.046	-			13.046	11.646	1.400	
17	Trường THPT Trung Giã				13.891	13.891	-			13.891	12.560	1.331	

(Chữ ký)

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được đề lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
18	Trường THPT Đa Phúc				16.753	16.753	-			16.753	14.211	2.542	
19	Trường THPT Trần Phú - Hoàn Kiếm				21.611	21.611	-			21.611	16.193	5.418	
20	Trường THPT Việt Đức				22.998	22.998	-			22.998	16.832	6.166	
21	Trường THPT Chu Văn An				32.024	32.024	-			32.024	28.950	3.074	
22	Trường THPT Tây Hồ				17.150	17.150	-			17.150	13.919	3.231	
23	Trường THPT Phan Đình Phùng				18.829	18.829	-			18.829	14.289	4.540	
24	Trường THPT Phạm Hồng Thái				19.155	19.155	-			19.155	13.872	5.283	
25	Trường THPT Nguyễn Trãi - Ba Đình				15.763	15.763	-			15.763	13.402	2.361	
26	Trường THPT chuyên Hà Nội-Amsterdam				46.541	46.541	-			46.541	35.531	11.010	
27	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Thanh Xuân				16.109	16.109	-			16.109	13.549	2.560	
28	Trường THPT Nhân Chính				14.232	14.232	-			14.232	12.090	2.142	
29	Trường THPT Yên Hoà				18.559	18.559	-			18.559	14.287	4.272	
30	Trường THPT Việt Nam - Ba Lan				21.343	21.343	-			21.343	14.636	6.707	
31	Trường THPT Ngọc Hồi				13.927	13.927	-			13.927	12.565	1.362	
32	Trường THPT Hoàng Văn Thụ				16.703	16.703	-			16.703	14.171	2.532	
33	Trường THPT Ngô Thị Nhậm				15.293	15.293	-			15.293	13.651	1.642	
34	Trường THPT Thăng Long				18.416	18.416	-			18.416	14.427	3.989	
35	Trường THPT Đoàn Kết - Hai Bà Trưng				20.324	20.324	-			20.324	14.615	5.709	
36	Trường THPT Trần Nhân Tông				17.217	17.217	-			17.217	14.683	2.534	
37	Trường THPT Trương Định				18.166	18.166	-			18.166	14.823	3.343	
38	Trường THPT Cao Bá Quát - Gia Lâm				16.335	16.335	-			16.335	14.465	1.870	
39	Trường THPT Yên Viên				13.678	13.678	-			13.678	12.780	898	
40	Trường THPT Dương Xá				15.882	15.882	-			15.882	14.310	1.572	
41	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ				14.539	14.539	-			14.539	13.129	1.410	
42	Trường THPT Nguyễn Gia Thiều				17.072	17.072	-			17.072	14.502	2.570	
43	Trường THPT Lý Thường Kiệt				12.391	12.391	-			12.391	10.539	1.852	

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
44	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai				19.070	19.070	-			19.070	13.844	5.226	
45	Trường THPT Xuân Đình				17.766	17.766	-			17.766	13.690	4.076	
46	Trường THPT Đại Mỗ				17.324	17.324	-			17.324	12.414	4.910	
47	Trường THPT Thượng Cát				12.699	12.699	-			12.699	10.638	2.061	
48	Trường THPT Xuân Giang				11.597	11.597	-			11.597	10.491	1.106	
49	Trường THPT Minh Phú				14.030	14.030	-			14.030	10.174	3.856	
50	Trường THPT Cầu Giấy				20.610	20.610	-			20.610	15.021	5.589	
51	Trường THPT Trung Văn				12.008	12.008	-			12.008	10.292	1.716	
52	Trường THPT Mê Linh				12.891	12.891	-			12.891	11.776	1.115	
53	Trường THPT Tự Lập				8.450	8.450	-			8.450	7.636	814	
54	Trường THPT Quang Minh				10.885	10.885	-			10.885	9.274	1.611	
55	Trường THPT Tiên Thịnh				10.531	10.531	-			10.531	9.510	1.021	
56	Trường THPT Tiên Phong				14.315	14.315	-			14.315	10.109	4.206	
57	Trường THPT Yên Lãng				11.805	11.805	-			11.805	10.114	1.691	
58	Trường THPT Lê Quý Đôn - Hà Đông				22.089	22.089	-			22.089	15.930	6.159	
59	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ				39.017	39.017	-			39.017	30.604	8.413	
60	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông				18.035	18.035	-			18.035	14.530	3.505	
61	Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông				18.927	18.927	-			18.927	13.709	5.218	
62	Trường THPT Sơn Tây				26.825	26.825	-			26.825	24.706	2.119	
63	Trường THPT Tùng Thiện				17.915	17.915	-			17.915	13.041	4.874	
64	Trường THPT Xuân Khanh				12.865	12.865	-			12.865	9.318	3.547	
65	Trường THPT Ba Vì				15.819	15.819	-			15.819	14.979	840	
66	Trường THPT Bất Bạt				10.025	10.025	-			10.025	8.868	1.157	
67	Trường THPT Ngô Quyền - Ba Vì				17.333	17.333	-			17.333	15.401	1.932	
68	Trường THPT Quảng Oai				16.630	16.630	-			16.630	14.153	2.477	
69	Trường phổ thông Dân tộc nội trú				30.724	30.724	-			30.724	30.724	0	

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
70	Trường THPT Phúc Thọ				15.973	15.973	-			15.973	14.378	1.595	
71	Trường THPT Ngọc Tảo				17.548	17.548	-			17.548	15.715	1.833	
72	Trường THPT Vân Cốc				14.186	14.186	-			14.186	11.030	3.156	
73	Trường THPT Đan Phượng				16.481	16.481	-			16.481	14.002	2.479	
74	Trường THPT Hồng Thái				16.257	16.257	-			16.257	13.458	2.799	
75	Trường THPT Tân Lập				14.957	14.957	-			14.957	13.521	1.436	
76	Trường THPT Thạch Thất				17.805	17.805	-			17.805	16.120	1.685	
77	Trường THPT Phùng Khắc Khoan-T.Thất				16.979	16.979	-			16.979	15.074	1.905	
78	Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất				15.347	15.347	-			15.347	13.889	1.458	
79	Trường THPT Bắc Lương Sơn				10.327	10.327	-			10.327	9.576	751	
80	Trường THPT Hoài Đức A				16.498	16.498	-			16.498	14.938	1.560	
81	Trường THPT Hoài Đức B				19.846	19.846	-			19.846	14.841	5.005	
82	Trường THPT Vạn Xuân - Hoài Đức				16.783	16.783	-			16.783	13.777	3.006	
83	Trường THPT Quốc Oai				17.452	17.452	-			17.452	14.761	2.691	
84	Trường THPT Minh Khai - Quốc Oai				16.329	16.329	-			16.329	14.732	1.597	
85	Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai				14.114	14.114	-			14.114	11.976	2.138	
86	Trường THPT Chương Mỹ A				17.587	17.587	-			17.587	14.900	2.687	
87	Trường THPT Chương Mỹ B				17.098	17.098	-			17.098	15.465	1.633	
88	Trường THPT Chúc Động				17.160	17.160	-			17.160	15.540	1.620	
89	Trường THPT Xuân Mai				17.938	17.938	-			17.938	14.998	2.940	
90	Trường THPT Thanh Oai A				17.262	17.262	-			17.262	13.183	4.079	
91	Trường THPT Thanh Oai B				17.122	17.122	-			17.122	13.662	3.460	
92	Trường THPT Nguyễn Du - Thanh Oai.				15.680	15.680	-			15.680	13.377	2.303	
93	Trường THPT Thường Tín				16.408	16.408	-			16.408	13.645	2.763	
94	Trường THPT Tô Hiệu - Thường Tín				15.050	15.050	-			15.050	13.222	1.828	
95	Trường THPT Nguyễn Trãi - Thường Tín				15.416	15.416	-			15.416	11.279	4.137	

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được để lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
96	Trường THPT Vân Tảo				15.610	15.610	-			15.610	11.162	4.448	
97	Trường THPT Lý Tử Tấn				13.539	13.539	-			13.539	11.054	2.485	
98	Trường THPT Mỹ Đức A				15.208	15.208	-			15.208	14.294	914	
99	Trường THPT Mỹ Đức B				13.612	13.612	-			13.612	13.257	355	
100	Trường THPT Mỹ Đức C				13.163	13.163	-			13.163	9.892	3.271	
101	Trường THPT Hợp Thanh				11.790	11.790	-			11.790	10.262	1.528	
102	Trường THPT Ứng Hoà A				13.086	13.086	-			13.086	11.234	1.852	
103	Trường THPT Ứng Hoà B				10.645	10.645	-			10.645	9.656	989	
104	Trường THPT Đại Cường				9.381	9.381	-			9.381	6.392	2.989	
105	Trường THPT Lưu Hoàng				8.679	8.679	-			8.679	7.935	744	
106	Trường THPT Trần Đăng Ninh				16.717	16.717	-			16.717	11.886	4.831	
107	Trường THPT Phú Xuyên A				17.782	17.782	-			17.782	14.391	3.391	
108	Trường THPT Phú Xuyên B				15.387	15.387	-			15.387	12.314	3.073	
109	Trường THPT Đồng Quan				14.343	14.343	-			14.343	12.615	1.728	
110	Trường THPT Tân Dân				12.044	12.044	-			12.044	10.871	1.173	
111	Trường THPT Bắc Thăng Long				20.913	20.913	-			20.913	15.472	5.441	
112	Trường THPT Thạch Bàn				16.204	16.204	-			16.204	13.555	2.649	
113	Trường THPT Lê Lợi				10.361	10.361	-			10.361	9.177,00	1.184	
114	Trường THPT Minh Quang				7.525	7.525	-			7.525	7.184,00	341	
115	Trường THPT Phúc Lợi				16.738	16.738	-			16.738	13.494	3.244	
116	Trường THPT Đông Mỹ				13.084	13.084	-			13.084	11.822	1.262	
117	Trường THPT Xuân Phương				15.882	15.882	-			15.882	13.466	2.416	
118	Trường THPT Phan Huy Chú - Quốc Oai				13.112	13.112	-			13.112	11.805	1.307	
119	Trường THPT Nguyễn Quốc Trinh				13.443	13.443	-			13.443	11.854	1.589	
120	Trường THPT Hoài Đức C				10.671	10.671	-			10.671	9.413	1.258	
121	Trường THPT Khương Đình				9.767	9.767	-			9.767	7.991	1.776	

STT	Nội dung	Số thu phí, lệ phí	Chi từ nguồn thu phí được đề lại	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	Nguồn ngân sách trong nước	Chi quản lý hành chính			Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			Nguồn vốn viện trợ
							Tổng số	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	Tổng số	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
A	B	1	2	3	4 = 5 + 12	5 = 6 + 9	6 = 7 + 8	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12
122	Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ				10.169	10.169	-			10.169	4.049	6.120	
123	Trường THPT Mỹ Đình				5.109	5.109	-			5.109	3.959	1.150	
124	Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi				6.719	6.719				6.719	4.970	1.749	
125	Trường THPT Minh Hà				2.313	2.313				2.313	2.021	292	
126	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa				523	523				523	0	523	
127	Trường THPT Hoàng Cầu				656	656	-			656	0	656	
128	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục Hà Nội				12.076	12.076				12.076	9.952	2.124	
129	Sở Giáo dục và Đào tạo				215.863	215.863				215.863	0	215.863	

Handwritten signature